

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 10/10/2018.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Huỳnh Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ – chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2018/TLST- HNGĐ, ngày 27/8/2018, về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HN, ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm 1, Phường 2, Thị xã D H, tỉnh T V. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1982. Vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T B, xã T H S, huyện C N, tỉnh T V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L xác lập hôn nhân vào tháng 10 năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H S vào ngày 14/4/2017, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, khi tiến đến hôn nhân, chị và anh L không có quen nhau trước, mà do mai mối rồi tự nguyện tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán.

Sau ngày cưới chị về làm dâu bên chồng, không có ở riêng, quá trình chung sống do anh L không lo cuộc sống gia đình, không đi làm để kiếm tiền, từ đó vợ chồng có cãi vã với nhau. Tháng 05 năm 2017 chị mang thai hơn 01 tháng nhưng phải đi làm nghề thu mua tôm hàng ngày để lo gia đình, do chỗ làm xa nhà nên chị có điện thoại cho anh L xin về nhà mẹ ruột ở để cho tiện việc đi lại vì thai nhi yếu phải đi khám thường xuyên, anh L không quan tâm đến ngược lại anh còn điện thoại trách móc đủ điều, hơn 01 tháng sau thì mẹ chồng và anh L đến nhà mẹ chị đòi vàng cưới, tiền đám cưới... dẫn đến mâu thuẫn tiếp tục xảy ra. Toàn bộ chi phí sinh con chị tự lo, anh L không đến thăm con và chăm sóc con, từ đó chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- **Về con chung:** tên Lê Nguyễn Gia P, sinh ngày 10/11/2017, con đang sống với chị. Chị xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2018 chị có yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con tên Lê Nguyễn Gia P, sinh ngày 10/11/2017 mỗi tháng là 1.000.000 đồng và cấp cho đến khi con tròn 18 tuổi. Nhưng nay chị xét thấy có đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng và chị làm đơn xin rút lại yêu cầu này.

- **Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:** Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn L: Vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt cho các đương sự nhận đầy đủ theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị B, xử cho chị B được ly hôn với anh L, về con tên Lê Nguyễn Gia P, sinh ngày 10/11/2017 giao cho chị B nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con do chị B rút lại yêu cầu này, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ không giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do chị B không tranh chấp, không khởi kiện, nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị B nộp 200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn L là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa anh L vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị B làm đơn khởi kiện anh L yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh L, về con chị xin được quyền nuôi dưỡng, ngoài ra chị B không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy chị B và anh L xác lập hôn nhân vào tháng 10 năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H S vào ngày 14/4/2017, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, chị B và anh L chung sống được 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn.

Chị B khai: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không đi làm để kiếm tiền để lo gia đình, dẫn đến cãi vã với nhau, khi chị mang thai hơn 01 tháng nhưng phải vất vả đi làm công việc thu mua tôm hàng ngày để sinh sống, do chỗ làm xa nhà và thai nhi yếu nên chị về nhà mẹ ruột sống, khoảng 01 tháng thì mẹ chồng và anh L đến nhà mẹ chị đòi vàng cưới, tiền đám cưới...dẫn đến mâu thuẫn tiếp tục xảy ra, khi chị sinh con toàn bộ chi phí do chị tự lo, anh L không phụ lo tiền bạc và cũng không đến thăm con bỏ mặc chị tự lo liệu. Từ đó chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án anh L đều vắng mặt, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ ghi lời khai của anh L, anh L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là sau ngày cưới vợ chồng sống với nhau được vài tháng thì bất đồng quan điểm về lối sống và cách cư xử giao tiếp, chị B mang thai đi về nhà mẹ ruột sống, anh có đến thăm nhưng chị B thờ ơ lạnh nhạt, không quan tâm đến anh, khi chị B sinh con không báo cho anh biết, anh lúc nào cũng thương vợ và con, trường hợp chị B cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị B.

Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Do đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa chị B và anh L tuy chưa thống nhất với nhau về chỗ ở, lối sống, về ứng xử giao tiếp vợ chồng thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình, cùng nhau góp ý, xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Trong vụ kiện này, khi mâu thuẫn xảy ra chị B và anh L bỏ mặc, không quan tâm đến tình chồng nghĩa vợ,

từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt cụ thể chị B và anh L ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay.

Tòa án mở 02 phiên họp để hòa giải đoàn tụ vợ chồng, anh L đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được. Tại phiên tòa anh L tiếp tục vắng mặt, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Từ những chứng cứ nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị B, xử cho chị B được ly hôn với anh L là phù hợp quy định pháp luật.

- **Về nuôi con:** Xét thấy chị B và anh L chung sống có sinh 01 người con tên Lê Nguyễn Gia P, sinh ngày 10/11/2017, từ khi sinh ra đến nay cháu P mới tròn 01 tuổi và được chị B chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt, còn anh L không đến thăm và chăm sóc con chung. Tại khoản 03 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình có quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng ...*” tại phiên tòa chị B xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật, mặt khác tại biên bản ghi lời khai của anh L, anh cũng đồng ý giao con cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng.

Đề cháu Lê Nguyễn Gia P có cuộc sống và chỗ ở ổn định nhằm phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2018 chị B yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng, quá trình tiến hành tố tụng chị B làm đơn xin rút lại yêu cầu này, lý do chị đủ điều kiện, khả năng nuôi cháu P và chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị B vẫn bảo lưu ý kiến này, xét thấy việc chị B rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn là tự nguyện, không ai ép buộc, căn cứ các Điều 217, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của chị Nguyễn Thị B.

- **Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị B và anh Lê Văn L không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 147, 217, 228, 235, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị B và anh Lê Văn L được ly hôn với nhau.

2. *Về nuôi con:*

- Chị Nguyễn Thị B được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con tên Lê Nguyễn Gia P, sinh ngày 10/11/2017.

- Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Thị B.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Nguyễn Thị B nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do chị B nộp theo biên lai thu tiền số: 0017243, ngày 22/8/2018 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:*

Chị Nguyễn Thị B có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T H S, huyện CN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

